

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
(Bao gồm Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam và
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược Mỹ phẩm)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016 bao gồm số liệu tài chính của Công ty mẹ Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược Mỹ phẩm, sau đây gọi tắt là "Báo cáo tài chính tổng hợp".

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 467B/BYT-QĐ ngày 30/3/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo Quyết định số 2335/QĐ - BYT ngày 30/06/2010, Tổng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH MTV và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109385 ngày 27/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Kể từ ngày 08/12/2016, Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong kỳ và đến ngày 07/12/2016 bao gồm:

Ông: Nguyễn Quý Sơn	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Đức Sơn	Thành viên
Ông: Lê Văn Sơn	Thành viên
Ông: Đinh Xuân Hân	Thành viên
Ông: Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày 07/12/2016 bao gồm:

Ông: Nguyễn Đức Sơn	Tổng Giám đốc
Ông: Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đinh Xuân Hân	Phó Tổng Giám đốc

Từ ngày 08/12/2016 Tổng Công ty Dược Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với các thành viên Ban lãnh đạo Tổng Công ty từ khi chuyển sang CTCP đến ngày lập báo cáo bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị

Ông: Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông: Đinh Xuân Hân	Thành viên
Bà : Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên
Bà : Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
Ông: Trần Anh Vương	Thành viên

Tổng Giám đốc	
Ông: Đinh Xuân Hân	Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát

Bà : Đặng Lệ Thu	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Văn Khải	Thành viên
Ông: Trần Văn Hải	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Tổng Công ty.


CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

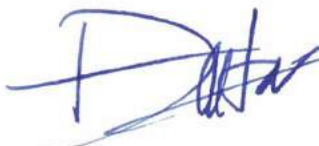
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại ngày 07/12/2016 chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại ngày 07/12/2016 đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại ngày 07/12/2016 cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 07/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Đức Sơn
Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Xác nhận chữ ký các chức danh có trách nhiệm
lập Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 07/12/2016



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV được lập ngày 16 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 07 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại ngày 07 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Báo cáo vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính tại ngày 07/12/2016 ghi nhận giá trị chênh lệch khi thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và ghi nhận giá trị lợi ích nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC - Vinapharm" tại địa điểm 60B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Giá trị này có thể thay đổi khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.




Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017



Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1942-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016

Mã	TÀI SẢN	Thuyết	07/12/2016	Sau điều chỉnh 01/01/2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.372.173.526.912	1.105.893.454.627
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	825.046.018.177	516.151.236.555
111	1. Tiền		16.646.018.177	21.451.236.555
112	2. Các khoản tương đương tiền		808.400.000.000	494.700.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	423.200.000.000	514.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		423.200.000.000	514.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.847.001.395	50.973.273.892
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	46.441.418.693	30.188.490.550
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.850.453.509	1.216.133.222
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	06	47.555.129.193	19.568.650.120
140	IV. Hàng tồn kho	07	21.733.358.186	20.577.071.868
141	1. Hàng tồn kho		21.733.358.186	20.577.071.868
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.347.149.154	3.391.872.312
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		4.302.149.154	3.346.872.312
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	45.000.000	45.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.847.676.841.555	1.610.536.738.944
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		214.057.828	184.929.808
216	6. Phải thu dài hạn khác		214.057.828	184.929.808
220	II. Tài sản cố định		34.022.325.521	29.004.559.918
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	34.022.325.521	29.004.559.918
222	- Nguyên giá		66.508.867.781	59.455.106.871
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.486.542.260)	(30.450.546.953)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		68.268.802.419	722.546.787
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	68.268.802.419	722.546.787
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.709.809.408.394	1.544.745.514.307
251	1. Đầu tư vào công ty con		313.533.467.583	340.826.998.408
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		900.386.034.893	974.375.154.943
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		495.889.905.918	229.543.360.956
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.362.247.393	35.879.188.124
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	35.362.247.393	35.879.188.124
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.219.850.368.467	2.716.430.193.571

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	07/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		70.214.463.060	53.093.465.443
310	I. Nợ ngắn hạn		70.009.337.218	52.928.339.601
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	43.458.716.240	26.921.991.101
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.129.711.843	4.670.457.586
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.596.219.893	9.254.014.721
314	4. Phải trả người lao động		32.572.116	3.213.115.984
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	18.990.468.657	3.070.893.046
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		1.792.123.929	289.274.305
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.524.540	5.508.592.858
330	II. Nợ dài hạn		205.125.842	165.125.842
337	1. Phải trả dài hạn khác		205.125.842	165.125.842
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.149.635.905.407	2.663.336.728.128
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	3.149.635.905.407	2.663.336.728.128
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		449.745.834.089	449.174.284.089
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		969.512.110.904	909.512.110.904
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		539.756.456.504	507.086.516.033
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		723.817.704.455	669.615.012.991
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		466.803.799.455	127.948.804.111
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.219.850.368.467	2.716.430.193.571

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016

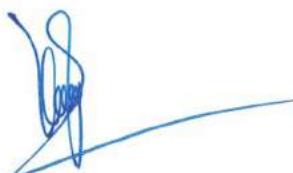
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	169.809.645.611
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		116.809.711
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		169.692.835.900
11	4. Giá vốn hàng bán	17	158.849.414.341
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.843.421.559
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	327.739.520.485
22	7. Chi phí tài chính	19	11.490.108.325
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-
25	8. Chi phí bán hàng	20	7.607.497.474
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	27.395.833.487
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		292.089.502.758
31	11. Thu nhập khác	22	191.030.253.276
32	12. Chi phí khác	23	149.127.079
40	13. Lợi nhuận khác		190.881.126.197
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		482.970.628.955
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	4.744.506.995
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>478.226.121.960</u>

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

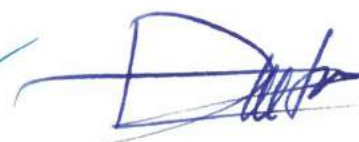
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Thúy



Nguyễn Thị Hằng



Nguyễn Đức Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016
			VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		482.970.628.955
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(515.104.927.684)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.254.257.852
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		748.611.014
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(327.645.348.663)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(190.462.447.887)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(32.134.298.729)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.264.258.798)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.156.286.318)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay) phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		22.605.425.838
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		516.940.731
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.868.795.992)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.852.243.083)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(50.153.516.351)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.815.957.268)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(81.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		173.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.374.990.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.216.814.269
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		319.953.006.446
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		440.578.873.447
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(81.530.575.474)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(81.530.575.474)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		308.894.781.622
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		516.151.236.555
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	825.046.018.177

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 467B/BYT-QĐ ngày 30/3/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo Quyết định số 2335/QĐ - BYT ngày 30/06/2010, Tổng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH MTV và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109385 ngày 27/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 4 ngày 03/08/2015 thì vốn Điều lệ của Tổng Công ty là 1.338.544.248.430 đồng.

Kể từ ngày 08/12/2016, Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

- Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất thực phẩm khác: thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Bán buôn, chuyên doanh khác: kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

...

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

- Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016 là kỳ kế toán cuối cùng của Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV, niên độ kế toán được lập khác với niên độ tài chính thông thường từ 01/01 đến 31/12 của Tổng Công ty. Do vậy, không có số liệu so sánh đối với kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán này.
- Tổng Công ty Dược Việt Nam thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 31/12/2013, và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần tại thời điểm 08/12/2016. Căn cứ Điều 9, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định: Báo cáo tài chính lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng các khoản giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; không phải trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định. Do vậy, Tổng Công ty Dược Việt Nam không thực hiện áp dụng chính sách trích lập dự phòng cho các nội dung này trong kỳ báo cáo đến ngày 07/12/2016.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty Dược Việt Nam bao gồm:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
I - Công ty mẹ Tổng Công ty Dược Việt Nam Bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc:	Số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm
- Trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ Dược	Số 160 Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Kiểm nghiệm thuốc
- Văn phòng Đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam	Số 126A Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	
II - Đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập		
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược Mỹ	Số 95 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm
III - Các công ty con, công ty liên kết, công ty khác		

Thông tin về các công ty con, liên kết, công ty khác của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016 là kỳ kế toán cuối cùng của Tổng Công ty Dược Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn. Bắt đầu từ ngày 08/12/2016 Tổng Công ty Dược Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nên không thực hiện đánh giá lại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản đầu tư dài hạn được đánh giá và ghi nhận lại theo các quy định về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc và có điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (07/12/2016) giá trị các khoản đầu tư này được xác định lại theo hướng dẫn tại các văn bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc và có điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (07/12/2016) giá trị các khoản đầu tư này được xác định lại theo hướng dẫn tại các văn bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và thực hiện điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Giá trị tài sản tăng do kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được trích khấu hao kể từ thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho dịch vụ đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tư vấn, chi phí lãi phải trả cho nhà đầu tư quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần đến khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các chi phí trả trước khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch được hạch toán theo Quyết định số 3717/QĐ - BYT ngày 4/9/2015 về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV và giá trị lợi ích ước tính nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán được Tổng Công ty phân phối theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí chênh lệch tỷ giá;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	966.359.201	1.787.060.898
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.679.658.976	19.664.175.657
Các khoản tương đương tiền	808.400.000.000	494.700.000.000
	<u>825.046.018.177</u>	<u>516.151.236.555</u>

Tại ngày 07/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,4%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - pharbaco	-	43.500.000.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	60.000.000.000	60.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	25.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dược Danapha	50.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd	20.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	-	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	258.200.000.000	281.300.000.000
	<u>423.200.000.000</u>	<u>514.800.000.000</u>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị tại thời điểm chuyển sang CTCP	Giá trị trước thời điểm chuyển sang CTCP	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	313.533.467.583	313.533.467.583	340.826.998.408	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	130.315.224.276	130.315.224.276	121.225.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	158.306.993.307	158.306.993.307	137.215.500.000	-
- Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	24.911.250.000	24.911.250.000	11.375.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	-	-	71.011.498.408	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	900.386.034.893	900.386.034.893	974.375.154.943	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	47.924.943.200	47.924.943.200	22.266.674.167	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	391.843.479.000	391.843.479.000	288.726.774.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	16.018.559.658	16.018.559.658	14.390.184.874	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	69.854.301.160	69.854.301.160	-	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo	225.087.379.672	225.087.379.672	252.643.512.013	-
- Công ty Cổ phần Dược Danapha	87.985.134.245	87.985.134.245	85.132.916.211	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	45.588.855.134	45.588.855.134	44.713.236.026	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	11.704.695.272	11.704.695.272	14.940.590.562	-
- Công ty Cổ phần Dược Danapha-Nanosome	4.378.687.552	4.378.687.552	4.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	-	-	74.882.978.449	-
- Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar	-	-	159.977.506.239	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Dược	-	-	12.200.782.402	-
Đầu tư vào đơn vị khác	495.889.905.918	495.889.905.918	229.543.360.956	-
- Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	48.974.823.000	48.974.823.000	29.068.927.200	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	142.506.000.000	142.506.000.000	137.162.025.000	-
- Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar	169.364.479.687	169.364.479.687	-	-
- Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	32.636.667.071	32.636.667.071	27.217.290.043	-
- Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Medipharco-Tenamyd	9.862.555.500	9.862.555.500	5.579.173.137	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Dược	11.255.516.681	11.255.516.681	-	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	50.065.057.307	50.065.057.307	-	-

- Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex	12.641.174.781	12.641.174.781	11.227.865.390	-
- Công ty Cổ phần Hoá Dược Việt Nam	5.035.161.627	5.035.161.627	4.686.108.540	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	3.562.053.367	3.562.053.367	5.284.469.052	-
- Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Việt Nam	9.986.416.897	9.986.416.897	9.317.502.594	-
	1.709.809.408.394	1.709.809.408.394	1.544.745.514.307	-

Tại thời điểm chuyển bàn giao chuyển sang Công ty cổ phần (07/12/2016) giá trị các khoản đầu tư này được xác định lại theo hướng dẫn tại các văn bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Việc ghi nhận giá trị này chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy, giá trị các khoản đầu tư đánh giá lại có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 07/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần nắm giữ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	Số 334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	66,352%	66,352%	12.122.500	Kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Số 356A Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	65,406%	65,406%	13.721.550	Sản xuất và Kinh doanh sản phẩm thuốc, các sản phẩm y tế, bao bì dược phẩm
- Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	Số 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	65,000%	65,000%	1.137.500	Sản xuất và kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 07/12/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần nắm giữ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng	24,82%	24,82%	1.687.498	Sản xuất kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại
- Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, Đường 30/4, Phường 1, Thị xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	23,75%	23,75%	6.874.447	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	138 Giảng Võ, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	43,65%	43,65%	825.000	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm, máy móc trang thiết bị, dụng cụ y tế, vật tư y tế

- Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội	31,67%	31,67%	5.699.790	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
- Công ty cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo	Số 10, đường Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	232.398	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
- Công ty cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	29,86%	29,86%	2.916.125	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong ngành dược
- Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	28,43%	28,43%	3.780.000	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
- Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Số 9 Trần Thánh Tông - Phường Bạch Đằng - Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội	27,13%	27,13%	1.356.650	Kinh doanh nguyên liệu, máy móc thiết bị trong lĩnh vực dược phẩm
- Công ty cổ phần Dược Danapha-Nanosome	253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	25,00%	25,00%	450.000	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 07/12/2016 như sau:

Đầu tư vào đơn vị khác:	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần nắm giữ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Số 246 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	13,23%	13,23%	1.579.833	Kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ
- Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	Số 1017 đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP.HCM	14,08%	14,08%	3.562.650	Trồng và chế biến dược liệu sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế, hóa chất, mỹ phẩm
- Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar	Số 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, Tp Hồ Chí Minh	18,17%	18,17%	3.528.360	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, dược liệu, hoá chất cho ngành dược
- Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Quận 1, Tp Hồ	17,68%	17,68%	1.680.000	Kinh doanh nguyên liệu và thành phần dược

- Công ty cổ phần Dược Trung Ương Medipharco-Tenamyd	Số 8 Nguyễn Trường Tộ, Phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế	15,01%	15,01%	450.345	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
- Công ty cổ phần Bao bì Dược	Số 89 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	450.000	Sản xuất và in các loại bao bì
- Công ty cổ phần Dược phẩm Vidipha	Số 184/2 Lê Văn Sỹ, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM	14,29%	14,29%	1.826.264	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm
- Công ty cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex	358 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Hà Nội	11,37%	11,37%	713.750	Kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm
- Công ty cổ phần Hoá Dược Việt Nam	273 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội	9,26%	9,26%	166.670	Sản xuất, buôn bán, XNK các loại nguyên liệu, phụ liệu, bao bì làm thuốc, kinh doanh dược phẩm
- Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Số 725 - Đường Yên Ninh - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	5,73%	5,73%	243.220	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu và các hoạt động
- Công ty cổ phần Y Dược Phẩm Việt Nam	Số 73-75 đường số 1, cư xá Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	5,26%	5,26%	2.000	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, kinh doanh thuốc

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Việt Áo	-	19.187.963.299
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	5.560.067.525	4.679.623.075
- Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược Mỹ phẩm	-	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1-Pharbaco	280.000.000	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	36.094.517.499	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.506.833.669	6.320.904.176
	46.441.418.693	30.188.490.550
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	5.840.067.525	4.679.623.075

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	-	-	1.641.041.096	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 về tiền cổ tức và lợi nhuận hợp tác kinh doanh	8.735.735.384	-	7.554.147.315	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 về lợi nhuận hợp tác kinh doanh	161.917.808	-	372.328.767	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Danapha về tiền cổ tức và lợi nhuận hợp tác kinh doanh	7.380.743.151	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái về tiền cổ tức và lợi nhuận hợp tác kinh doanh	124.931.507	-	187.397.260	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	6.742.228.889	-	6.078.026.111	-
- Phải thu Công ty cổ phần Dược Trung Ương Medipharco-Tenamyd về lợi nhuận hợp tác kinh doanh	379.726.027	-	-	-
- Phải thu về cổ phần hóa	22.646.202.089	-	701.901.849	-
<i>Chi phí cổ phần hóa</i>	1.343.468.454	-	266.572.000	-
<i>Phải thu Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha số phải nộp về cổ phần hóa</i>	10.026.949.923	-	-	-
<i>Phải thu Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 số phải nộp về cổ phần hóa</i>	11.275.783.712	-	-	-
<i>Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 số phải nộp về cổ phần hóa</i>	-	-	435.329.849	-
- Phải thu các khoản tạm ứng	748.476.954	-	1.865.406.520	-
- Phải thu khác	635.167.384	-	1.168.401.202	-
	47.555.129.193	-	19.568.650.120	-

7. HÀNG TỒN KHO

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	357.378.058	-	136.291.636	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.848.662.262	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	3.910.975	-
- Hàng hóa	18.527.317.866	-	20.436.869.257	-
	21.733.358.186	-	20.577.071.868	-

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	8.268.802.419	722.546.787
+ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vỏ nang Gelatin	-	45.000.000
+ Dự án công trình tòa nhà văn phòng Tổng Công ty Dược Việt Nam tại 178 Điện Biên Phủ	975.342.242	677.546.787
+ Cài tạo Trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố	7.293.460.177	-
+ Giá trị lợi ích nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tường (*)	60.000.000.000	-
	68.268.802.419	722.546.787

(*) Giá trị lợi ích nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tường được ước tính trên cơ sở giá trị nhận được từ hợp tác kinh doanh phát triển dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV - Vinapharm" tại địa chỉ số 60B Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC. Giá trị này có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	39.794.643.617	14.637.482.452	3.884.563.100	1.138.417.702	59.455.106.871
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	7.365.564.546	-	-	7.365.564.546
- Phân loại lại	103.135.499	148.402.950	-	(251.538.449)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(311.803.636)	-	-	-	(311.803.636)
Số dư cuối kỳ	39.585.975.480	22.151.449.948	3.884.563.100	886.879.253	66.508.867.781
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.696.713.506	2.341.098.522	1.857.023.334	555.711.591	30.450.546.953
- Khấu hao trong kỳ	329.739.263	1.434.524.969	328.040.449	161.953.171	2.254.257.852
- Phân loại lại	-	43.607.280	-	(43.607.280)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(218.262.545)	-	-	-	(218.262.545)
Số dư cuối kỳ	25.808.190.224	3.819.230.771	2.185.063.783	674.057.482	32.486.542.260
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.097.930.111	12.296.383.930	2.027.539.766	582.706.111	29.004.559.918
Tại ngày cuối kỳ	13.777.785.256	18.332.219.177	1.699.499.317	212.821.771	34.022.325.521

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	847.045.175	1.498.565.225
- Giá trị lợi thế kinh doanh	34.279.568.258	34.279.568.258
- Chi phí trả trước dài hạn khác	235.633.960	101.054.641
	35.362.247.393	35.879.188.124

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- EVER NEURO PHARMA GMBH	-	-	19.181.294.004	19.181.294.004
- Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd	36.878.633.869	36.878.633.869	-	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	1.582.732.578	1.582.732.578	-	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	1.898.929.460	1.898.929.460	1.303.180.286	1.303.180.286
- Công nợ phải trả khác	3.098.420.333	3.098.420.333	6.437.516.811	6.437.516.811
	43.458.716.240	43.458.716.240	26.921.991.101	26.921.991.101
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	3.481.662.038	3.481.662.038	1.303.180.286	1.303.180.286

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.145.448.679	4.088.934.292	-	56.514.387
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.000.000	9.239.871.673	4.744.506.995	12.868.795.992	45.000.000	1.115.582.676
- Thuế thu nhập cá nhân	-	14.143.048	1.148.968.100	738.988.318	-	424.122.830
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	5.059.444.462	5.059.444.462	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	16.687.214	16.687.214	-	-
	45.000.000	9.254.014.721	15.115.055.450	22.772.850.278	45.000.000	1.596.219.893

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	07/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí tiền thuê đất	-	679.536.000
- Chi phí thuê kho, địa điểm	-	294.545.455
- Chi phí in lịch	-	315.000.000
- Chi phí may đồng phục	-	257.400.000
- Chi phí học tập tại Hàn Quốc	-	406.363.636
- Chi phí cho đoàn đi Úc, Newzealand	-	764.750.000
- Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	50.000.000	200.000.000
- Chi phí tư vấn và bán đấu giá	-	140.000.000
- Chi phí cổ phần hóa	250.000.000	-
- Chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản - CT CODUPHAR	19.266.500	-
- Chi phí phần mềm	80.227.273	-
- Chi phí lãi phải trả cho nhà đầu tư	10.319.042.098	-
- Chi phí tư vấn định giá các khoản đầu tư và bàn giao sang CTCP	190.000.000	-
- Chi phí sửa chữa trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố	7.002.321.819	-
- Chi phí tiền thuê đất tại 95 Láng Hạ	1.040.201.163	-
- Chi phí phải trả khác	39.409.804	13.297.955
	18.990.468.657	3.070.893.046

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư	Chênh lệch đánh	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Quỹ hỗ trợ sắp	Cộng
	của CSH	giá lại tài sản	phát triển	chưa phân phối	xếp doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm 2016	449.174.284.089	909.512.110.904	507.086.516.033	127.948.804.111	669.615.012.991	2.663.336.728.128
Lãi trong kỳ	-	-	-	478.226.121.960	-	478.226.121.960
Số tiền công ty nhận vốn góp phải trả về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hạch toán qua Tổng Công ty	-	-	-	-	32.174.454.104	32.174.454.104
Giá trị lợi ích nhận được từ hợp đồng hợp tác tại Dự án 60B Nguyễn Huy Tường (*)	-	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Tăng vốn nhà nước từ thu hồi số cổ phần trả chậm của người lao động tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	571.550.000	-	-	-	(571.550.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	32.669.940.471	(57.840.551.142)	22.599.787.360	(2.570.823.311)
Nộp lợi nhuận sau thuế về Tổng cục thuế	-	-	-	(81.530.575.474)	-	(81.530.575.474)
Số dư cuối kỳ	449.745.834.089	969.512.110.904	539.756.456.504	466.803.799.455	723.817.704.455	3.149.635.905.407

(*) Giá trị lợi ích nhận được từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tường được ước tính trên cơ sở giá trị nhận được từ hợp tác kinh doanh phát triển dự án "Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV - Vinapharm" tại địa chỉ số 60B Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HĐĐT/2010 ngày 07/07/2010 giữa Tổng Công ty Dược Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC. Giá trị này có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/12/2016, Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Năm 2016 VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	478.226.121.960
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(32.669.940.471)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(2.570.823.311)
Chuyển lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	(22.599.787.360)
Nộp lợi nhuận sau thuế	(81.530.575.474)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	449.745.834.089	100,00%	449.174.284.089	100,00%
	449.745.834.089	100,00%	449.174.284.089	100,00%

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	07/12/2016	01/01/2016
- Đô la Mỹ	USD	13.177,5	100
- Euro	EUR	-	231

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng	161.716.232.794
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.093.412.817
	169.809.645.611
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	11.362.174.275

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	155.984.011.461
Giá vốn của dịch vụ	2.865.402.880
	<u><u>158.849.414.341</u></u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	43.019.405.748
Cổ tức	268.685.836.040
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	10.535.114.929
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu	5.279.292.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	164.320.776
Doanh thu hoạt động tài chính khác	55.550.492
	<u><u>327.739.520.485</u></u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	223.148.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	748.611.014
Chi phí lãi phải trả cho nhà đầu tư (*)	10.319.042.098
Chi phí tài chính khác	199.306.832
	<u><u>11.490.108.325</u></u>

(*) Là chi phí lãi vay được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT - BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính trong trường hợp thời gian tính từ ngày hết hạn nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phần đến thời điểm công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kéo dài trên 3 tháng.

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.692.094
Chi phí nhân công	3.249.911.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.647.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.473.403.169
Chi phí khác bằng tiền	1.369.843.853
	<u><u>7.607.497.474</u></u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	529.223.229
Chi phí nhân công	9.895.339.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	776.125.603
Thuế, phí, và lệ phí	5.185.971.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.201.854.498
Chi phí khác bằng tiền	6.807.318.731
	<u><u>27.395.833.487</u></u>

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính (*)	190.462.447.887
Thu nhập khác	567.805.389
	<u><u>191.030.253.276</u></u>

(*) Là khoản thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Giá trị này có thể thay đổi khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Nộp phạt thuế	437.246
Chi phí thanh lý tài sản cố định	93.541.091
Chi phí khác	55.148.742
	<u><u>149.127.079</u></u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	482.970.628.955
Các khoản điều chỉnh tăng	437.246
- Chi phí không hợp lệ	437.246
Các khoản điều chỉnh giảm	459.248.531.225
- Doanh thu không chịu thuế TNDN (tiền cổ tức được chia)	268.685.836.040
- Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	190.462.447.887
- Kết chuyển lỗ năm 2015 tại Trung tâm Dược Mỹ phẩm	100.247.298
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.722.534.976
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.744.506.995
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	9.239.871.673
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(12.868.795.992)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	1.115.582.676

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.318.928.271
Chi phí nhân công	13.145.250.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.145.772.738
Thuế, phí và lệ phí	4.137.770.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.943.848.762
Chi phí khác bằng tiền	8.177.162.584
	37.868.733.841

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	07/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	825.046.018.177	-	516.151.236.555	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.210.605.714	-	49.942.070.478	-
Đầu tư ngắn hạn	165.000.000.000	-	233.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	495.889.905.918	-	229.543.360.956	-
	1.580.146.529.809	-	1.029.136.667.989	-

	Giá trị số kế toán	
	07/12/2016	01/01/2016
Nợ phải trả tài chính	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	45.455.966.011	27.376.391.248
Chi phí phải trả	18.990.468.657	3.070.893.046
	64.446.434.668	30.447.284.294

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 07/12/2016	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	825.046.018.177	-	-	825.046.018.177
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.996.547.886	214.057.828	-	94.210.605.714
Đầu tư ngắn hạn	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	495.889.905.918	495.889.905.918
	1.084.042.566.063	214.057.828	495.889.905.918	1.580.146.529.809

Tại ngày 01/01/2016

Tiền và các khoản tương đương tiền	516.151.236.555	-	-	516.151.236.555
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.757.140.670	184.929.808	-	49.942.070.478
Đầu tư ngắn hạn	233.500.000.000	-	-	233.500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	229.543.360.956	229.543.360.956
	799.408.377.225	184.929.808	229.543.360.956	1.029.136.667.989

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 07/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	45.250.840.169	205.125.842	-	45.455.966.011
Chi phí phải trả	18.990.468.657	-	-	18.990.468.657
	64.241.308.826	205.125.842	-	64.446.434.668
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	27.211.265.406	165.125.842	-	27.376.391.248
Chi phí phải trả	3.070.893.046	-	-	3.070.893.046
	30.282.158.452	165.125.842	-	30.447.284.294

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dược phẩm chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2016 đến 07/12/2016	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			11.362.174.275
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 - chi nhánh Hà Nội	Công ty con		76.363.636
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Công ty liên kết		8.273.883.454
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	Công ty liên kết		1.648.042.333
Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Đơn vị nhận đầu tư		1.281.963.505
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - CN TP HCM	Công ty con		81.921.347
Doanh thu tài chính (tiền cổ tức)			268.685.836.040
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con		682.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Công ty con		4.399.042.073
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	Đơn vị nhận đầu tư		810.000.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết		5.832.250.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Đơn vị nhận đầu tư		7.125.300.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết		209.357.341.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết		756.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết		2.159.998.400
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CODUPHA	Công ty con		1.309.732.567
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex	Đơn vị nhận đầu tư		1.070.625.000
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Medipharco-Tenamyd	Đơn vị nhận đầu tư		540.414.000
Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Đơn vị nhận đầu tư		10.585.080.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư		166.670.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết		1.485.000.000
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư		80.000.000
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	Đơn vị nhận đầu tư		3.360.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết		13.748.894.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Đơn vị nhận đầu tư		1.826.264.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đơn vị nhận đầu tư		231.059.000
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	Đơn vị nhận đầu tư		3.159.666.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	07/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1-Pharbaco	Công ty liên kết	280.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	Công ty liên kết	5.560.067.525	4.679.623.075
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1-Pharbaco	Công ty liên kết	527.500.000	-

Phải thu khác ngắn hạn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Công ty liên kết	-	1.641.041.096
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty liên kết	8.735.735.384	7.554.147.315
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	161.917.808	372.328.767
Công ty Cổ phần Dược phẩm Danapha	Công ty liên kết	7.380.743.151	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đơn vị nhận đầu tư	124.931.507	187.397.260
Công ty cổ phần Dược Trung Ương Medipharco-Tenamyl	Đơn vị nhận đầu tư	379.726.027	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết	-	532.602.740
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>		<i>21.302.733.635</i>	<i>435.329.849</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	Công ty con	10.026.949.923	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty liên kết	-	435.329.849
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Công ty con	11.275.783.712	-

Phải trả cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty liên kết	1.582.732.578	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Công ty liên kết	1.898.929.460	1.303.180.286

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Từ 01/01/2016
đến 07/12/2016
VND

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT

2.148.000.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

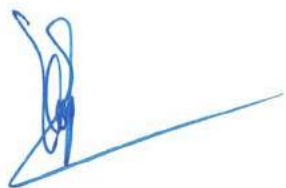
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên
		VND	báo cáo kỳ trước VND
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp			
Các khoản trong đương tiền	112	494.700.000.000	776.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	514.800.000.000	233.500.000.000

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



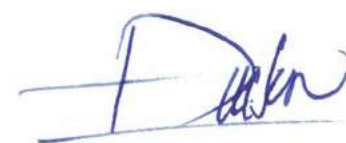
Nguyễn Hồng Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Sơn

